

Số: 1792/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch và đình chính Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chuẩn hoá danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: số 3966/QĐ-BVHTTDL ngày 09/12/2024; số 4242/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2024.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1998/TTr-SVHTTDL ngày 30/12/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố danh mục 08 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Du lịch thuộc chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)



**Điều 2.** Đính chính Điều 3 Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc công bố chuẩn hoá danh mục thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh cụ thể như sau:

Tại Điều 3 quy định “*Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký*”.

Nay đính chính thành “*Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025*”.

**Điều 3.** Giao Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

1. Rà soát, cập nhật công khai đầy đủ nội dung TTHC được sửa đổi, đính chính theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; phối hợp với Trung tâm Hành chính công tỉnh niêm yết công khai TTHC tại nơi tiếp nhận và thực hiện niêm yết TTHC tại đơn vị giải quyết theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, chuẩn hoá quy trình điện tử và tái cấu trúc quy trình thực hiện TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; đồng bộ, tích hợp nội dung sửa đổi, bổ sung trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định.

Thời hạn hoàn thành 01 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VP Chính phủ);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm HCC tỉnh, Sở TT&TT (đề p/h);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP,  
Chuyên viên KGVX;
- Lưu: VT, KSTTHC.



**Đào Quang Khải**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH BẮC NINH**  
(Kèm theo Quyết định số: 1792/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

| TT | Mã TTHC  | Tên TTHC   | Phí, lệ phí thực hiện theo Quyết định số 4242/QĐ-BVHTTLD ngày 30/12/2024                                   | Căn cứ pháp lý   |
|----|----------|--|--|--|
| 1  | 2.001628 | Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa     | 3.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). | Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. |
| 2  | 2.001616 | Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). | Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. |
| 3  | 2.001622 | Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 2.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). | Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. |
| 4  | 1.001440 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm              | 200.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).         | Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. |



|   |          |  |  |  |
|---|----------|--|--|--|
| 5 | 1.004628 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế   | 650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).   | Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. |
| 6 | 1.004623 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa   | 650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).   | Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. |
| 7 | 1.001432 | Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 650.000 đồng/thẻ (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).   | Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. |
| 8 | 1.004614 | Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch   | a) 650.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (theo Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).<br>b) 200.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (theo Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) | Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. |

**Tổng cộng: 08 TTHC./.**